File Services

I. Tổng quan dịch vụ File Services:

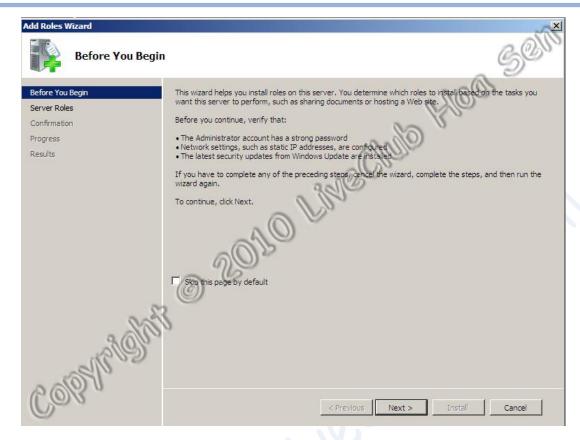
- File Services là một dịch vụ một role máy chủ trên Windows Server 2008,cung cấp cho người quản trị các kỹ thuật quản lý dung lượng lưu trữ (storage), cơ chế backup dữ liệu bằng phương thức tảo bản sao của dữ liệu ở server khác (replication),quản lý tài nguyên,chia sẻ ,hổ trợ các máy tính *NIX truy cập tài nguyên hệ thống Windows.Với dịch vụ này bạn dễ dàng triển khai các chức năng.
- ➤ File Services Resource Manager : cấu hình quota, tạo file screen và lập lịch tạo ra storage report.
- ➤ Distributed File Systems : triển khai hệ thống file phân tán
- > Services for Network File Systems: triển khai các dịch vụ cho phép chia sẻ file giữa Windows Server 2008 với các hệ thống *NIX
- ➤ Windows Search Service : triển khai dịch vụ cho phép máy client tăng tốc độ tìm kiếm file trên server
- ➤ Windows Server 2003 File Services: triển khai File Services dành cho các máy tính chạy hệ điều hành Windows Server 2003.

II. Tổng quan File Server Resource Manager:

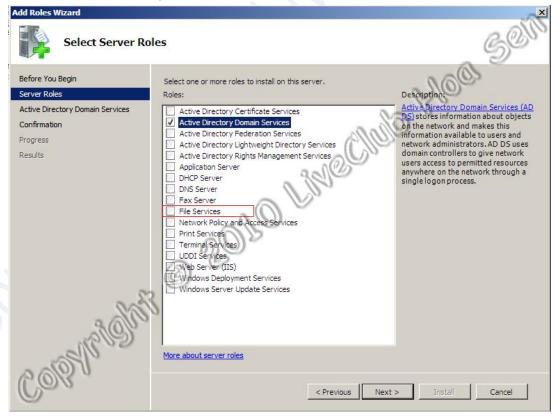
- File Server Resource Manager là một tập hợp các công cụ cho phép người quản trị có thể hiểu, điều khiển và quản lý dữ liệu trên các server chạy hệ điều hành Windows Server 2008 một cách hiệu quả. Với công cụ này, bạn có thể cấu hình quota trên cả ổ đĩa và thư mục, ngăn cấm sao chép những định dạng mà bạn chỉ định, đồng thời xuất ra các báo cáo giám sát hoạt động của người dùng trên không gian lưu trữ.
- Với File Server Resource Manager, bạn có thể thực hiện được các công việc sau
- ➤ Tạo quota trên ổ đĩa hoặc thư mục để giới hạn dung lượng cấp cho người sử dụng.,đồng thời gửi email hoặc thông tin cảnh bảo khi người dùng đạt đến hoặc vượt quá giới hạn quota cho phép.
- Tự động sinh ra và cấp phát quota cho tất cả các thư mục con đã tồn tại hoặc những thư mục con mới tạo ra trên một ổ đĩa hoặc một thư mục.
- Tạo các file screen để chỉ định thể loại file mà người sử dụng có thể lưu trữ,đồng thời gửi thông tin cảnh báo khi người sử dụng cố gắng lưu trữ các thể loại file không được cho phép.
- ▶ Định nghĩa các template cho quota và file screen để dễ dàng và nhanh chóng áp dụng với những ổ đĩa và thư mục mới.
- Xuất ra các báo cáo giám sát tình trang sử dụng dụng lượng đĩa đinh kỳ hoặc theo nhu cầu.

III. Cài đặt dịch vụ File Server Resource Manager:

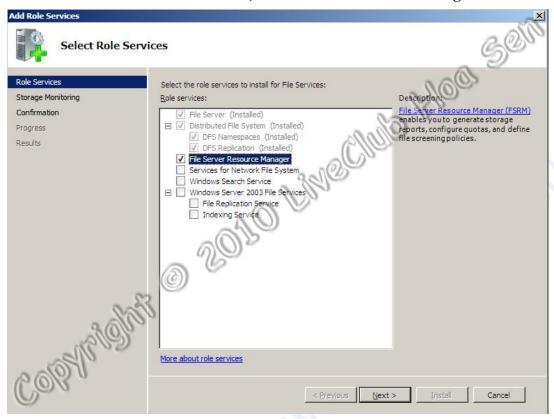
- Vào Server Manager → Roles → Add Roles → Next.



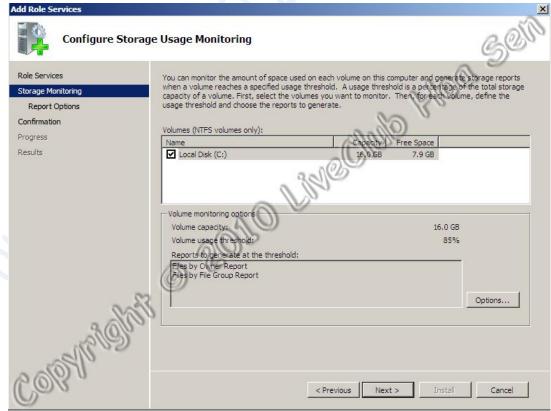
- Hộp thoai **Roles** → Bấm chọn **File services** → Next.



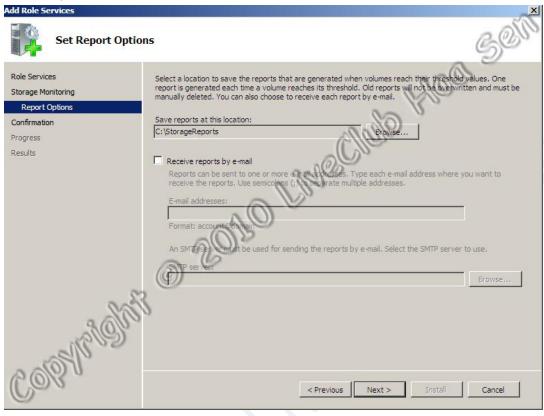
- Hộp thoại Select Role Services → Bấm chọn File Server Resource Manager.



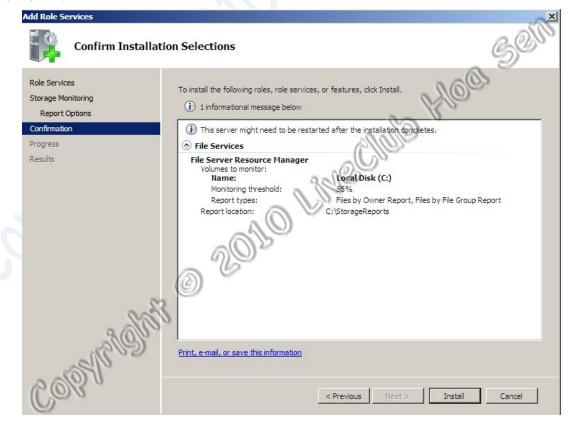
- Hộp thoại **Configuration Storage Usage Monitoring** chọn ổ đĩa bạn cần theo dõi và xuất báo cáo.



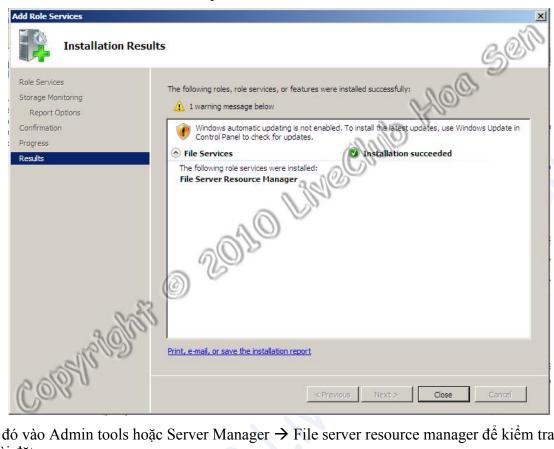
- Hộp thoại **Set Report Options** cho phép chọn nơi cất report và cấu hình cách thức gửi report qua email cho bạn → Next.



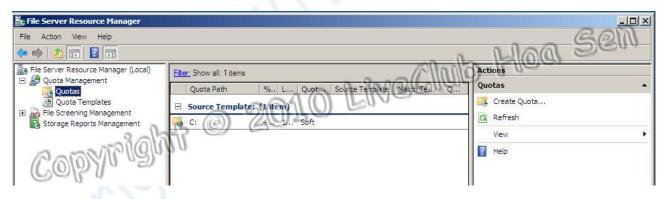
- Hộp thoại **Confirm Intallation Selections** xem lại thông tin cấu hình lần cuối chọn Install để cài đặt dịch vụ.



- Cài đặt hoàn tất chọn Close để tắt hộp thoại.

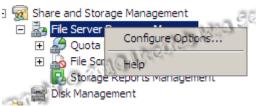


- Sau đó vào Admin tools hoặc Server Manager → File server resource manager để kiểm tra kết quả cài đặt.

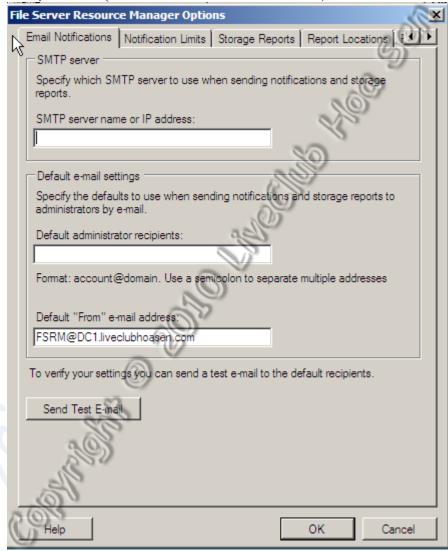


IV. Cấu hình dịch vụ:

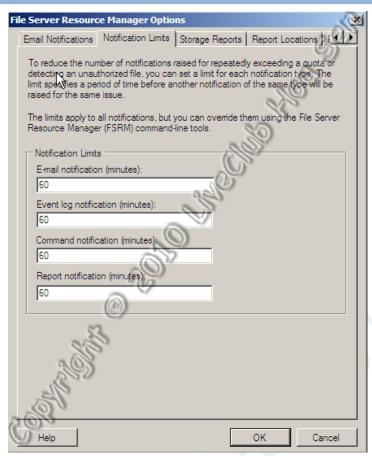
- 1. Cấu hình các option của File Server Resource Manager:
 - Chuột phải File server resource manager → Configure Options.



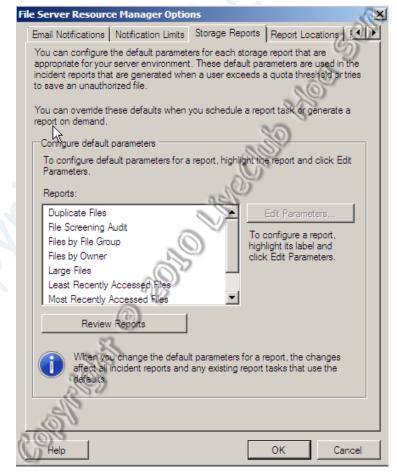
- Tab Email Notifications. Trong tab này sẽ cấu hình về mail nhận report bao gồm địa chỉ:
 - SMTP server
 - email sẽ nhận (**Default administrator recipients**)
 - Và gửi với địa chỉ nào (Default "From" e-mail address)



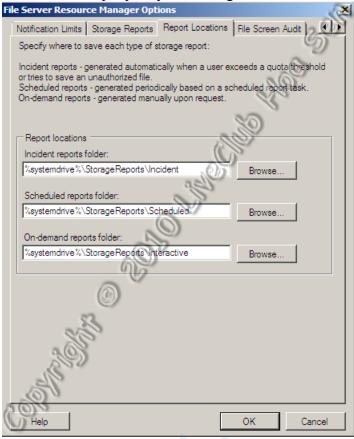
- Ở tab **Notification Limits** cho phép giới hạn thông tin gửi về mail mặc định tất cả là 60.



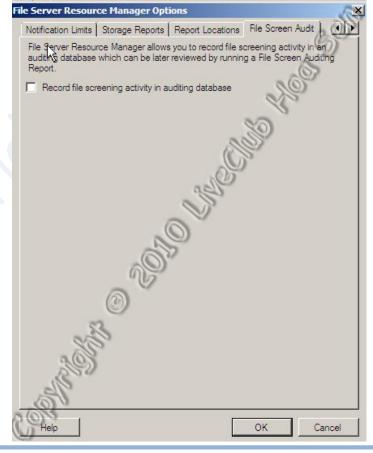
- Ở tab **Storage Reports** → cho phép tinh chỉnh các tham số sẽ gửi về theo Report.



- Ở tab **Report Locations** cho phép thay đổi đường dẫn chứa các file report:

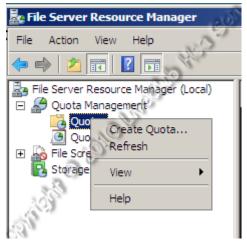


- **File screen audit** kích hoạt chức năng ghi nhận lại các thông báo các hành động khi chức năng file screen hoat động.



2. Cấu hình Quota:

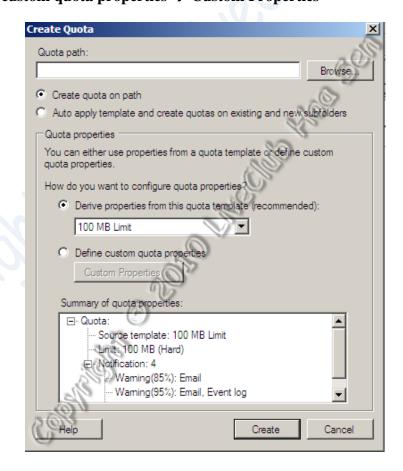
- Vào **File Server Resource Manager** → Quota Management → chuột phải Quotas → Create Quota.



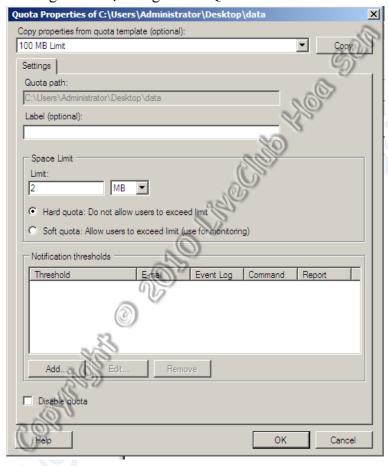
- Hộp thoại Create Quota.

Nhấn browse chọn thư mục, ổ đĩa muốn quota ở Quota path.

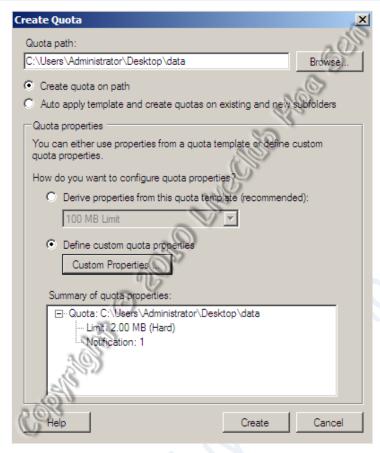
Ban đầu mặc định sẽ có những quota templates sẵn cho chúng ta sử dụng ở mục **Derive properties from this quota template** bạn có thể tùy chọn sử dụng hoặc chọn **Define custom quota properties** để chúng ta tự tạo định nghĩa quota riêng, ở đây chúng ta sẽ tạo quota riêng \rightarrow stick **Define custom quota properties** \rightarrow **Custom Properties**



- Hộp thoại **Quota Properties**...
 - +Space Limit:
 - Limit: dung lượng giới hạn cho phép user dùng khi đó sẽ xảy ra hai hành động
 - Hard Quota khi đạt tới limit cấm user chép thêm dữ liệu
 - Soft quota khi đạt giới hạn vẫn cho phép user chép thêm dữ liệu những sẽ có report ghi nhận.
 - + Sau khi cấu hình xog OK về lại trang Create Quota.

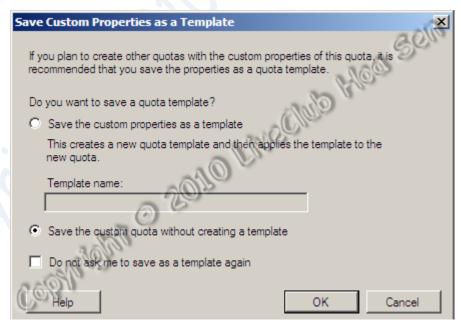


- Kiểm tra lại thông số Create quota



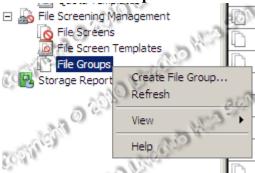
- Lúc này hộp thoại Save custom properties as a template.

Hộp thoại hỏi chúng ta có lưu quota này như một template hay không nếu không save để như mặc định → OK hoàn tất.



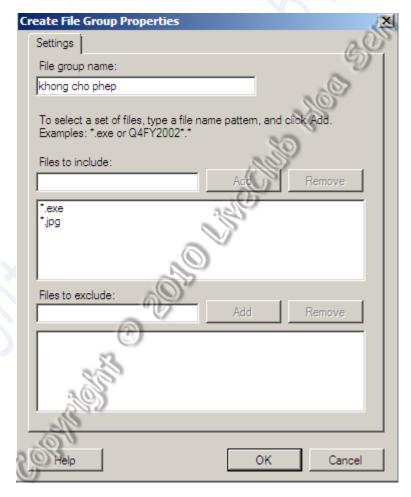
3. Cấu hình screen:

- Bước đầu tiên là tạo một file group chứa các kiểu file bạn muốn cấm thao tác
- Chuột phải File Group → Create File Group.

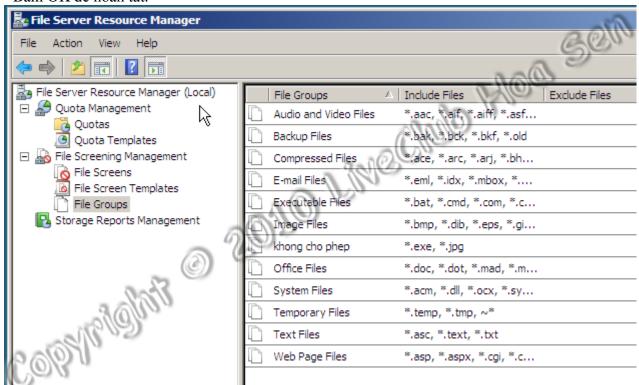


- Hộp thoại **Create Group Properties** hiện ra. Điền tên của **file group**. Điền đuôi file vào mục **Files to include** (những kiểu file chấp nhận) hoặc mục Files to exclude (những kiểu file loại trừ) rồi Add.

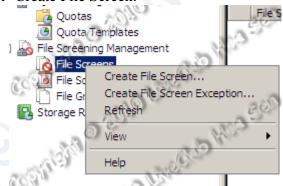
Ở đây hơi khó hiểu nhỉ, thực ra nó chỉ đơn giản là bạn muốn cấm kiểu file nào thì mục **Files to include** còn không muốn cấm , loại trừ kiểu file nào thì mục **Files to exclude** ☺.



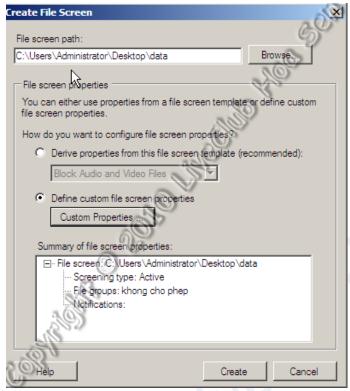
- Bấm OK để hoàn tất.



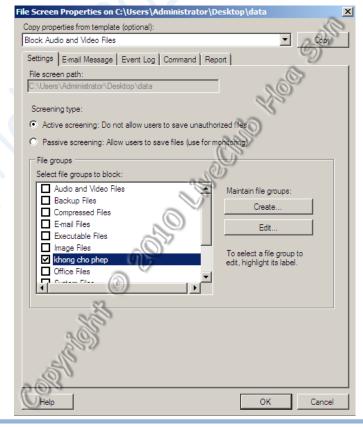
- Bây giờ chúng ta sẽ quay trở lại vần đề chính là tạo File sreen Chuột phải Files Screen → Create File Screen.



- Chọn thư mục, ổ đĩa cần áp screen rùi stick **Define custom file screen properties** → **Custom Properties**.

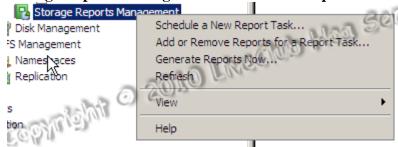


- Chúng ta có hai hành động chính đó là **Active Screening** tác dụng không cho user save những file đã định nghĩa và hai là **Passive Screening** cho phép user dùng như bình thường nhưng sẽ ghi nhận log. Sau đó chúng ta chọn file Group mới vừa định nghĩa hoặc có thể tạo thêm bằng cách nhấn nút OK **> Create**.
- P.S: còn rất nhìu tham số các ban có thể tìm hiểu thêm ©

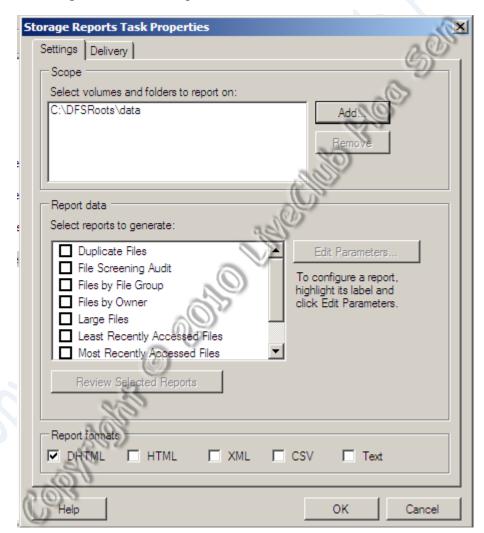


4. Làm việc với Report:

- a) Export ra file report về những ghi nhận hệ thống:
 - Chuột phải Storage Reports Management -> Generate Reports Now.

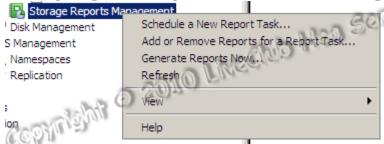


- Hộp thoại Storage Reports Task Properties.
 Gồm 3 bước
 - Add thư mục, ổ đĩa cần xuất thông tin log
 - Chọn loại report sẽ xuất ở mục Report data
 - Chọn loại file report sẽ xuất ra ở mục Report formats
 - Cuối cùng là OK để xuất report

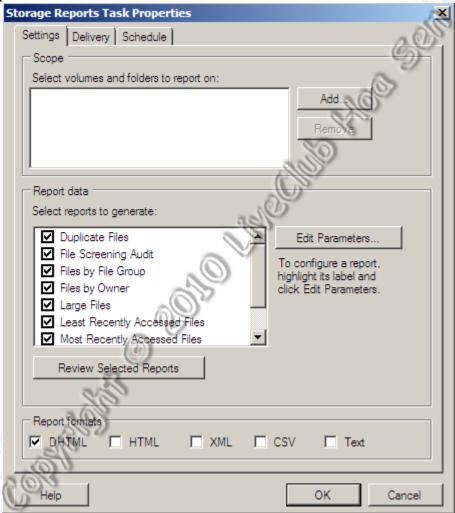


b) Tạo lịch tự động xuất report:

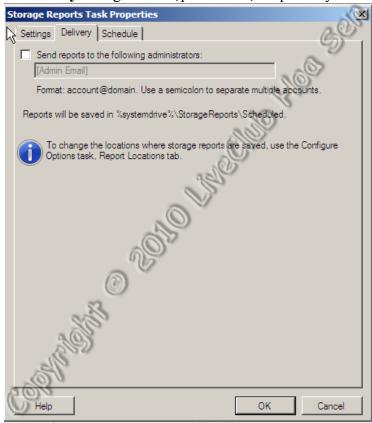
- Chuột phải Storage Reports Management → Schedule a New Report Task.



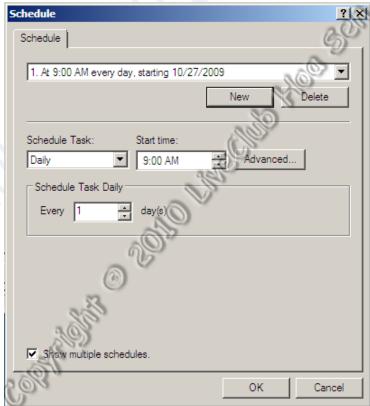
- Ở tab **Settings** chọn thư mục, ổ đĩa sẽ tạo report. Chọn các loại sẽ xuất report sau là chọn kiểu file report sẽ xuất ra.



- Tiếp theo là tab **Delivery** chúng ta sẽ nhập email nhận report này.



- Qua tab **Schedule** \rightarrow **Create Schedule** \rightarrow **New** sau đó thiết lập ngày h tạo report cho cái task này \rightarrow OK \rightarrow Ok.



 \odot ----- The End ----- \odot